



lā jī xiāng

垃圾箱

noun · trash can; garbage bin

Example Sentences

qǐng bǎ fèi zhǐ rēng jìn lā jī xiāng
请把废纸扔进垃圾箱。

Please throw the waste paper into the trash can.

jiē dào liǎng páng měi gé shí mǐ jiù yǒu yī gè lā jī xiāng
街道两旁每隔十米就有一个垃圾箱。

There is a trash can every ten meters on both sides of the street.

Trace each character, then write the word on your own.

垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃	垃
圾	圾	圾	圾	圾	圾	圾	圾	圾		
箱	箱	箱	箱	箱	箱	箱	箱	箱	箱	箱
箱	箱	箱	箱	箱	箱	箱				